

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010/TT-BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính : VNĐ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		5,491,142,095,929	4,595,293,741,775
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.01	2,659,731,677,620	1,712,297,012,483
1. Tiền	111		936,571,677,620	696,567,012,483
Trong đó : Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán			931,934,049,720	695,231,794,713
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,723,160,000,000	1,015,730,000,000
II.				
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.02	1,728,955,904,779	1,776,063,689,378
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1,791,780,427,712	1,822,166,942,418
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(62,824,522,933)	(46,103,253,040)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,093,097,697,716	1,100,593,798,651
1. Phải thu của khách hàng	131	VI.07	384,848,160,945	499,788,484,016
2. Trả trước cho người bán	132	VI.08	4,882,064,682	3,838,358,019
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	VI.07	129,800,963	48,511,192
5. Các khoản phải thu khác	138	VI.07	868,847,761,332	811,353,953,245
Dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá chứng				
6. khoản ủy thác đầu tư ngắn hạn	139	VI.10	(165,610,090,206)	(214,435,507,821)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9,356,815,814	6,339,241,263
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6,395,632,347	4,428,098,616
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		62,388,698	119,318,128
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại TP chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		2,898,794,769	1,791,824,519

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		3,170,766,890,397	3,069,822,261,481
I Các khoản phải thu dài hạn	210		1,156,879,017,080	1,093,397,637,136
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	VI.09	1,217,995,655,871	1,193,537,915,322
5. Dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác đầu tư dài hạn	219	VI.10	(61,116,638,791)	(100,140,278,186)
II. Tài sản cố định	220		140,610,940,359	144,913,865,985
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.04	23,103,972,960	23,984,681,097
<i>Nguyên giá</i>	222		80,144,887,354	94,222,251,509
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(57,040,914,394)	(70,237,570,412)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.05	117,506,967,399	120,929,184,888
<i>Nguyên giá</i>	228		155,618,505,331	155,665,147,084
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(38,111,537,932)	(34,735,962,196)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1,792,521,623,483	1,748,820,906,284
1. Đầu tư vào công ty con	251	VI.02	342,000,000,000	342,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.02	-	-
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	VI.02	1,046,268,743,162	1,021,342,587,931
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		1,046,268,743,162	1,021,342,587,931
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.02	548,616,990,000	548,616,990,000
5. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	259	VI.02	(144,364,109,679)	(163,138,671,647)
V. Tài sản dài hạn khác	260		80,755,309,475	82,689,852,076
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.03	4,319,559,998	8,861,760,393
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.16	52,795,574,471	52,687,916,677
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	VI.06	17,482,911,796	14,982,911,796
4. Tài sản dài hạn khác	268		6,157,263,210	6,157,263,210
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		8,661,908,986,326	7,665,116,003,256



NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)		300		3,838,463,180,322	2,676,923,165,630
I. Nợ ngắn hạn		310		3,838,463,180,322	2,676,923,165,630
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.17	-	357,728,021,077
2.	Phải trả người bán	312		305,176,407	9,234,113,425
3.	Người mua trả tiền trước	313	VI.12	112,784,567,807	99,049,773,750
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.14	18,612,299,669	18,442,549,211
5.	Phải trả người lao động	315		18,887,140	53,077,997
6.	Chi phí phải trả	316	VI.11	22,487,870,685	10,057,038,337
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.13	2,330,991,474,350	1,191,022,103,916
9.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	VI.18	903,014,334,798	910,301,627,487
10.	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		358,082,024,095	4,474,923,850
11.	Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		605,427,160	605,427,160
12.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		90,507,806,698	75,065,576,088
13.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
14.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		1,053,311,513	888,933,332
15.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn		330		-	-
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10.	Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		4,823,445,806,004	4,988,192,837,626
I. Vốn chủ sở hữu		410	VI.15	4,823,445,806,004	4,988,192,837,626
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3,537,949,420,000	3,526,117,420,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		344,944,356,378	340,921,476,378
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		(89,246,317,760)	(89,246,186,000)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư, phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		335,813,119,252	289,383,181,436
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		693,985,228,134	921,016,945,812
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)		440		8,661,908,986,326	7,665,116,003,256

0666
 ỨNG T
 Ứ PHẢ
 NG KH
 ÀI GỒ
 P.HỒ

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư nhận giữ hộ	002		-	-
3. Nợ khó đòi đã xử lý	003		-	-
4. Ngoại tệ các loại	004		-	-
5. Nguồn vốn khấu hao	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006		12,586,512,260,000	12,346,766,430,000
6.1 Chứng khoán giao dịch	007		10,930,084,780,000	10,663,501,630,000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		175,958,710,000	216,637,440,000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		9,074,727,800,000	8,811,451,220,000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		1,679,398,270,000	1,635,412,970,000
6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011		-	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		95,192,520,000	156,074,680,000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		-	-
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		94,647,520,000	155,429,680,000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015		545,000,000	645,000,000
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016		-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	017		710,269,260,000	675,969,260,000
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018		-	-
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		710,269,260,000	675,969,260,000
6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020		-	-
6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021		-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022		-	-
6.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	023		-	-
6.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024		-	-
6.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	025		-	-
6.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	026		-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027		224,900,300,000	240,887,600,000
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028		247,000,000	-
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		213,706,100,000	236,277,100,000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030		10,947,200,000	4,610,500,000
6.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	031		-	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032		-	-
6.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	033		-	-
6.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034		-	-
6.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	035		-	-
6.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	036		-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037		626,065,400,000	610,333,260,000
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038		-	-
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		616,388,590,000	606,052,140,000
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040		9,676,810,000	4,281,120,000
6.7.4 Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041		-	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042		-	-
6.8.1 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	043		-	-
6.8.2 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044		-	-
6.8.3 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	045		-	-
6.8.4 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay giao dịch của tổ chức khác	046		-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047		-	-

Y
N
O
A
N
N
CH
T


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
7 Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		989,865,190,000	1,361,126,500,000
<i>Trong đó:</i>				
7.1 Chứng khoán giao dịch	051		899,609,750,000	1,318,215,310,000
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052		7,211,590,000	7,221,960,000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		860,320,440,000	1,281,083,640,000
7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		32,077,720,000	29,909,710,000
7.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	055		-	-
7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		57,237,000,000	7,995,000,000
7.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057		1,000,000,000	1,000,000,000
7.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		56,237,000,000	6,995,000,000
7.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	059		-	-
7.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	060		-	-
7.3 Chứng khoán cầm cố	061		32,580,440,000	32,580,440,000
7.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	062		-	-
7.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063		32,580,440,000	32,580,440,000
7.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	064		-	-
7.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	065		-	-
7.4 Chứng khoán tạm giữ	066		-	-
7.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	067		-	-
7.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	068		-	-
7.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	069		-	-
7.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	070		-	-
7.5 Chứng khoán chờ thanh toán	071		438,000,000	2,335,750,000
7.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072		-	-
7.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073		438,000,000	2,335,750,000
7.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	074		-	-
7.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	075		-	-
7.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076		-	-
7.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	077		-	-
7.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	078		-	-
7.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	079		-	-
7.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	080		-	-
7.7 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch				
8 Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng				
9 Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán				
10 Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá				

T.C.P. HN.

Người Lập Biểu


 Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng


 Hoàng Thị Minh Thủy



TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 07 năm 2013

P. Tổng Giám Đốc


 Nguyễn Hồng Nam

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

1	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	QUÝ 2		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
2		3	4	5	6	7
1	Doanh thu	01	187,087,063,316	245,220,926,065	372,699,035,580	417,619,616,851
	<i>Trong đó:</i>					
	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1	35,725,796,414	36,620,795,004	69,613,510,678	65,261,044,905
	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	56,933,798,325	93,215,829,823	113,207,310,158	153,460,742,096
	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3	-	-	-	-
	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4	4,512,439	-	4,512,439	5,061,000
	Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5	5,627,665,887	5,993,322,277	7,737,219,148	15,693,987,854
	Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6	1,649,367,617	1,307,065,249	2,764,859,691	2,480,492,326
	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7	-	-	-	-
	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8	180,442,272	331,344,514	358,157,159	559,981,397
	Doanh thu khác	01.9	86,965,480,362	107,752,569,198	179,013,466,307	180,158,307,273
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-	-
3	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10	187,087,063,316	245,220,926,065	372,699,035,580	417,619,616,851
4	Chi phí hoạt động kinh doanh	11	140,216,646,342	143,512,653,697	151,416,518,458	68,492,275,923
	<i>Trong đó:</i>					
	Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.1	121,737,232,796	117,639,367,748	241,318,867,543	278,511,859,965
	Chi phí dự phòng chứng khoán	11.2	18,479,413,546	25,873,285,949	(89,902,349,085)	(210,019,584,042)
5	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20	46,870,416,974	101,708,272,368	221,282,517,122	349,127,340,928
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3,175,539,397	2,979,851,570	5,663,278,575	4,948,191,534
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30	43,694,877,577	98,728,420,798	215,619,238,547	344,179,149,394
8	Thu nhập khác	31	16,640,830,851	3,392,831,864	32,923,303,140	4,903,033,215
9	Chi phí khác	32	66,173,311	161,100,664	66,173,311	657,594,664
10	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	16,574,657,540	3,231,731,200	32,857,129,829	4,245,438,551
11	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	60,269,535,117	101,960,151,998	248,476,368,376	348,424,587,945
12	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	11,715,781,833	37,756,954,512	48,870,402,038	71,917,336,362
13	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(2,655,978,824)	(54,776,207,932)	(107,657,794)	(54,776,207,932)
14	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	51,209,732,108	118,979,405,418	199,713,624,132	331,283,459,515
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	-	-	-	-

Người Lập Biểu



Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng



Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 07 năm 2013

P. Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hồng Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Ban hành theo T.Tư số 95/2008 /TT -BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010 /TT -BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy Kế Từ Đầu Năm Đến Cuối Quý Năm	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	248,476,368,376	348,424,587,945
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	8,963,552,124	12,682,674,653
- Các khoản lập dự phòng	03	(89,902,349,085)	(210,019,584,042)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi lỗ hoạt động đầu tư	05	(41,870,054,035)	(24,014,829,011)
- Chi phí lãi vay	06	2,502,111,246	834,444,444
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	128,169,628,626	127,907,293,989
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	16,744,280,048	(389,735,789,198)
- Tăng, giảm tồn kho, chứng khoán ngắn hạn	10	7,555,151,970	(817,359,742,700)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	1,150,999,324,847	1,469,532,287,255
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	4,034,008,891	7,130,533,181
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2,997,398,689)	(814,816,548)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(46,975,539,557)	(31,157,387,291)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	200,426,722
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(13,430,732,080)	(13,348,498,998)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1,244,098,724,056	352,354,306,411
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(7,185,524,420)	(1,381,065,549)
2. Tiền thu, chi về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	918,181,818	1,665,760,606
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(61,530,000,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	70,218,106,711	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(71,159,574,870)	(64,531,247,671)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	58,801,226,000	125,827,106,421
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	55,155,158,679	59,407,451,899
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	45,217,573,918	120,988,005,707



Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	15,854,880,000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(131,760)	(654,900,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn được nhận	33	1,070,467,231,968	259,996,696,244
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,428,195,253,045)	(100,000,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8,360,000)	(75,388,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(341,881,632,837)	159,266,408,244
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	947,434,665,137	632,608,720,362
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1,712,297,012,483	1,619,838,319,136
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2,659,731,677,620	2,252,447,039,498

Người Lập Biểu

Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng

Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 07 năm 2013

P. Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hồng Nam



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

CHỈ TIÊU - 6 tháng năm 2013	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3,526,117,420,000	11,832,000,000	-	3,537,949,420,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		340,921,476,378	4,022,880,000	-	344,944,356,378
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		(89,246,186,000)	(131,760)	-	(89,246,317,760)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		289,383,181,436	46,429,937,816	-	335,813,119,252
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		921,016,945,812	199,713,624,132	426,745,341,810	693,985,228,134
Cộng		4,988,192,837,626	261,998,310,188	426,745,341,810	4,823,445,806,004

CHỈ TIÊU - 6 tháng năm 2012	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3,526,117,420,000	-	-	3,526,117,420,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		340,921,476,378	-	-	340,921,476,378
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		(88,591,286,000)	(654,900,000)	-	(89,246,186,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		289,383,181,436	-	-	289,383,181,436
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		815,491,595,383	331,283,459,515	349,747,436,264	797,027,618,634
Cộng		4,883,322,387,197	330,628,559,515	349,747,436,264	4,864,203,510,448

Người Lập Biểu



Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng



Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 07 năm 2013

P. Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hồng Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính quý 02 năm 2013 (chưa hợp nhất) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- Tổng số nhân viên** : 382
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế quý 2/2013 của Công ty lãi 51.209.732.108 đồng, giảm 57% so với cùng kỳ quý 2/2012 do nguyên nhân sau: doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn và doanh thu từ lãi tiền gửi giảm nhiều so với cùng kỳ năm trước với mức giảm lần lượt là 39% và 19% làm tổng doanh thu Q2/2013 giảm 24% so với Quý 2/2012.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là năm tài chính thứ 13 của Công ty.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành theo:
 - ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
 - ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
 - ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
 - ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
 - ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này, Công ty không áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 07 - Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết. Các chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận và trình bày các khoản đầu tư vào công ty con và các công ty liên kết được trình bày dưới đây.

Tại thời điểm lập báo cáo, khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty vẫn đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

3. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao

6. Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

7. Đầu tư vào chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản cổ tức bằng tiền và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày 30 tháng 06 năm 2013.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2013 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 30 tháng 06 năm 2013.

8. Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trên các báo cáo tài chính riêng của Công ty. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của các công ty con được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

10. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11. Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân của giai đoạn sáu tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tặng hay giảm của khoản trích trước sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

13. Cổ phiếu ngân quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu ngân quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

14. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ phân chia theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức bằng tiền của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

16. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.
- ▶ Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.
- ▶ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

18. Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH QUÍ 2 - 2013***Đơn vị tính: VND*

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Ngân hàng đầu tư và khác	Tổng cộng
Quý 2 năm 2013					
1. Doanh thu trực tiếp	52.663.238.711	56.933.798.325	87.399.645.682	5.812.620.598	202.809.303.316
2. Các chi phí trực tiếp	12.355.727.777	38.210.603.263	37.211.257.424	453.982.216	88.231.570.680
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	37.463.941.847	6.258.992.824	3.741.247.551	6.844.015.296	54.308.197.519
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	2.843.569.087	12.464.202.238	46.447.140.707	(1.485.376.914)	60.269.535.117
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013					
1. Tài sản bộ phận trực tiếp	1.272.779.719.124	3.606.182.740.557	3.556.651.001.280	3.060.080.583	8.438.673.541.544
2. Tài sản bộ phận phân bổ	130.510.889.198	12.572.149.877	2.993.369.018	14.368.171.288	160.444.579.381
3. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	62.790.865.401
Tổng tài sản	1.403.290.608.322	3.618.754.890.434	3.559.644.370.298	17.428.251.871	8.661.908.986.326
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	910.847.426.520	109.994.054.313	2.336.119.648.103	5.501.985.263	3.362.463.114.199
2. Nợ phải trả bộ phận phân bổ	73.637.385.286	7.093.509.592	1.688.930.855	8.106.868.105	90.526.693.838
3. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	385.473.372.285
Tổng công nợ	984.484.811.806	117.087.563.905	2.337.808.578.958	13.608.853.368	3.838.463.180.322

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. Tiền và tương đương tiền (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	140.689.141	112.540.703
Tiền gửi ngân hàng	936.430.988.479	696.454.471.780
<i>Trong đó : Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán</i>	931.934.049.720	695.231.794.713
Các khoản tương đương tiền	1.723.160.000.000	1.015.730.000.000
Cộng	2.659.731.677.620	1.712.297.012.483

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Tình hình đầu tư tài chính (đơn vị tính: VNĐ)**

Chi tiêu	Số lượng (CK)	Giá trị theo sổ kế toán	Giảm so với giá thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013				
Chứng khoán thương mại	7.178.864	199.780.427.712	(62.824.522.933)	136.955.904.779
Cổ phiếu Niêm yết	3.121.485	93.274.045.172	(4.356.902.480)	88.917.142.692
Cổ phiếu Chưa Niêm yết	4.057.379	106.506.382.540	(58.467.620.453)	48.038.762.087
Trái phiếu	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	-	1.592.000.000.000	-	1.592.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	1.592.000.000.000	-	1.592.000.000.000
Chứng khoán đầu tư	27.029.072	1.046.268.743.162	(51.256.932.181)	995.011.810.981
Chứng khoán sẵn sàng để bán	27.029.072	1.046.268.743.162	(51.256.932.181)	995.011.810.981
- Cổ phiếu Niêm yết	13.570.668	297.724.021.653	(18.953.679.591)	278.770.342.062
- Cổ phiếu Chưa Niêm yết	7.278.369	93.179.487.167	(32.303.252.590)	60.876.234.577
- Trái phiếu	6.180.035	655.365.234.342	-	655.365.234.342
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Đầu tư góp vốn	-	342.000.000.000	-	342.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	-	342.000.000.000	-	342.000.000.000
Vốn góp liên doanh, liên kết	-	-	-	-
Đầu tư tài chính khác	12.673.997	548.616.990.000	(93.107.177.498)	455.509.812.502
Đầu tư dài hạn khác	12.673.997	548.616.990.000	(93.107.177.498)	455.509.812.502
- Công ty CP Cao Su Hoàng Anh	10.267.000	523.617.000.000	(92.403.000.000)	431.214.000.000
- Công Ty CP XD VL và Đầu Tư Đại Việt	906.998	10.000.000.000	(704.177.498)	9.295.822.502
- Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời	1.499.999	14.999.990.000	-	14.999.990.000
Tại ngày 31/12/2012				
Chứng khoán thương mại	4.674.056	124.166.942.418	(46.103.253.040)	78.063.689.378
Cổ phiếu Niêm yết	1.156.294	30.864.387.266	(3.042.400.740)	27.821.986.526
Cổ phiếu Chưa Niêm yết	3.517.762	93.302.555.152	(43.060.852.300)	50.241.702.852
Trái phiếu	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	-	1.698.000.000.000	-	1.698.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	1.698.000.000.000	-	1.698.000.000.000
Chứng khoán đầu tư	24.055.372	1.021.342.587.931	(69.959.771.647)	951.382.816.284
Chứng khoán sẵn sàng để bán	24.055.372	1.021.342.587.931	(69.959.771.647)	951.382.816.284

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Cổ phiếu Niêm yết	11.095.569	261.537.866.418	(43.246.474.819)	218.291.391.599
- Cổ phiếu Chưa Niêm yết	6.654.768	93.179.487.170	(26.713.296.828)	66.466.190.342
- Trái phiếu	6.305.035	666.625.234.343	-	666.625.234.343
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Đầu tư góp vốn	-	342.000.000.000	-	342.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	-	342.000.000.000	-	342.000.000.000
Vốn góp liên doanh, liên kết	-	-	-	-
Đầu tư tài chính khác	12.666.999	548.616.990.000	(93.178.900.000)	455.438.090.000
Đầu tư dài hạn khác	12.666.999	548.616.990.000	(93.178.900.000)	455.438.090.000
- Công ty CP Cao Su Hoàng Anh	10.267.000	523.617.000.000	(92.403.000.000)	431.214.000.000
- Công Ty CP XD VL và Đầu Tư Đại Việt	900.000	10.000.000.000	(775.900.000)	9.224.100.000
- Công ty CP Đầu Tư Bất Động Sản SSI	1.499.999	14.999.990.000	-	14.999.990.000

- Chi tiết dự phòng Đầu tư Chứng khoán ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số lượng (CK)	Giá trị theo sổ kế toán	Giảm so với giá thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013				
Chứng khoán sẵn sàng để bán	4.427.050	116.139.489.438	(62.824.522.933)	53.314.966.505
Cổ phiếu niêm yết				
SVC	6.749	141.906.216	(54.844.117)	87.062.099
BHV	6.054	253.765.058	(220.468.058)	33.297.000
FPT	653.823	28.271.020.195	(941.218.788)	27.329.801.407
NSP	418.273	4.182.730.000	(3.137.047.500)	1.045.682.500
Cổ phiếu khác	105	4.708.516	(3.324.017)	1.384.499
Cộng niêm yết	1.085.004	32.854.129.985	(4.356.902.480)	28.497.227.505
Cổ phiếu chưa niêm yết				
CTCP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(1.802.200.000)	197.800.000
CTCP Bất Động Sản Đại Nam	70.500	7.050.000.000	(7.050.000.000)	-
CTCP Eden	199.650	4.650.000.000	(3.252.450.000)	1.397.550.000
CTCP Phân Lân Văn Điền	2.608.912	65.182.927.878	(44.311.631.878)	20.871.296.000
CTCP Dược Viễn Đông-DVD	2.866	117.720.575	(107.689.575)	10.031.000
Công ty CP đầu tư Kim Tự Tháp	260.118	4.284.711.000	(1.943.649.000)	2.341.062.000
Cộng chưa niêm yết	3.342.046	83.285.359.453	(58.467.620.453)	24.817.739.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2012

Chứng khoán sẵn sàng để bán	3.930.524	93.266.485.638	(46.103.253.040)	47.163.232.598
Cổ phiếu niêm yết				
DAC	47.366	2.251.325.570	(1.540.835.570)	710.490.000
NSP	418.273	4.182.730.000	(1.087.509.800)	3.095.220.200
Cổ phiếu khác	18.366	591.586.268	(414.055.370)	177.530.898
Cộng niêm yết	484.005	7.025.641.838	(3.042.400.740)	3.983.241.098
Cổ phiếu chưa niêm yết				
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(1.905.600.000)	94.400.000
Công ty CP Eden	199.650	4.650.000.000	(3.252.450.000)	1.397.550.000
Công ty CP Phân Lân Văn Điền	2.140.000	53.000.000.000	(35.880.000.000)	17.120.000.000
Công ty CP đầu tư Kim Tỵ Tháp	190.000	3.268.000.000	(1.558.000.000)	1.710.000.000
Công ty CP Truyền thông VMG	714.000	23.205.000.000	(357.000.000)	22.848.000.000
Cổ phiếu khác	2.869	117.843.800	(107.802.300)	10.041.500
Cộng chưa niêm yết	3.446.519	86.240.843.800	(43.060.852.300)	43.179.991.500

- Chi tiết dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn

Chi tiêu	Số lượng (cp)	Giá trị theo sổ kế toán	Giảm so với giá thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013				
Chứng khoán sẵn sàng để bán	9.296.270	158.355.826.765	(51.256.932.181)	107.098.894.584
Cổ phiếu niêm yết				
LAF	771.086	10.931.954.086	(6.922.306.886)	4.009.647.200
PDN	1.134.734	38.486.638.584	(9.323.974.784)	29.162.663.800
GIL	812.081	26.257.746.921	(2.707.397.921)	23.550.349.000
Cộng niêm yết	2.717.901	75.676.339.591	(18.953.679.591)	56.722.660.000
Cổ phiếu chưa niêm yết				
- Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	398.470	11.324.672.774	(7.539.207.774)	3.785.465.000
- Cty Cp Địa Ốc An Lạc (*)	3.750.000	37.500.000.000	(5.651.250.000)	31.848.750.000
- Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu	800.000	15.200.000.000	(13.826.400.000)	1.373.600.000
- Cty CP Việt Tín	629.900	6.654.826.400	(1.602.398.500)	5.052.427.900
- Công ty CP Khu du lịch Cát Bà	999.999	11.999.988.000	(3.683.996.316)	8.315.991.684

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng chưa niêm yết	6.578.369	82.679.487.174	(32.303.252.590)	50.376.234.584
Tại ngày 31/12/2012				
Chứng khoán sẵn sàng để bán	10.343.390	215.290.656.586	(69.959.771.647)	145.330.884.939
Cổ phiếu niêm yết				
HAG	1.670.741	56.935.268.206	(20.847.262.610)	36.088.005.596
PDN	1.134.721	38.486.340.864	(14.203.311.464)	24.283.029.400
GIL	812.076	26.257.616.421	(271.184.421)	25.986.432.000
LAF	771.084	10.931.943.924	(7.924.716.324)	3.007.227.600
Cộng niêm yết	4.388.622	132.611.169.415	(43.246.474.819)	89.364.694.596
Cổ phiếu chưa niêm yết				
- Cty CP Việt Tín	6.299	6.654.826.397	(1.450.592.600)	5.204.233.797
- Cty Cp Địa Ốc An Lạc	3.750.000	37.500.000.000	(637.500.000)	36.862.500.000
- Công ty CP Kính Vignacera Đáp Cầu	800.000	15.200.000.000	(13.540.000.000)	1.660.000.000
- Công ty CP Khu du lịch Cát Bà	999.999	11.999.988.000	(3.545.996.454)	8.453.991.546
- Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	398.470	11.324.672.774	(7.539.207.774)	3.785.465.000
Cộng chưa niêm yết	5.954.768	82.679.487.171	(26.713.296.828)	55.966.190.343

() Đang hoàn tất thủ tục chuyển nhượng.*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Chi phí trả trước dài hạn (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí tư vấn trả trước	3.135.580.172	6.898.276.376
Chi phí cải tạo văn phòng và công cụ dụng cụ	1.183.979.826	1.963.484.017
Tổng Cộng	4.319.559.998	8.861.760.393

4. Tài sản cố định hữu hình (đơn vị tính: VNĐ)

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	2.609.391.520	78.273.378.386	13.168.207.403	171.274.200	94.222.251.509
Tăng trong kỳ	-	304.453.000	5.837.043.400	17.600.000	6.159.096.400
Mua trong kỳ	-	304.453.000	5.837.043.400	17.600.000	6.159.096.400
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	(17.953.406.955)	(2.161.939.400)	(121.114.200)	(20.236.460.555)
Bán thanh lý	-	(55.038.704)	(2.144.644.400)	-	(2.199.683.104)
Phân loại lại (*)	-	(17.898.368.251)	(17.295.000)	(121.114.200)	(18.036.777.451)
Ngày 30 tháng 6 năm 2013	2.609.391.520	60.624.424.431	16.843.311.403	67.760.000	80.144.887.354
Giá trị hao mòn:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	1.753.649.765	58.501.766.148	9.914.015.713	68.138.786	70.237.570.412
Tăng trong kỳ	224.634.576	4.736.071.456	574.300.257	15.530.581	5.550.536.870
Khấu hao	224.634.576	4.736.071.456	574.300.257	15.530.581	5.550.536.870
Giảm trong kỳ	-	(16.566.517.970)	(2.121.850.882)	(58.824.036)	(18.747.192.888)
Bán thanh lý	-	(55.038.704)	(2.105.516.725)	-	(2.160.555.429)
Phân loại lại (*)	-	(16.511.479.266)	(16.334.157)	(58.824.036)	(16.586.637.459)
Ngày 30 tháng 6 năm 2013	1.978.284.341	46.671.319.634	8.366.465.088	24.845.331	57.040.914.394
Giá trị còn lại:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	855.741.755	19.771.612.238	3.254.191.690	103.135.414	23.984.681.097
Ngày 30 tháng 6 năm 2013	631.107.179	13.953.104.797	8.476.846.315	42.914.669	23.103.972.960

(*) Khoản phân loại lại thành công cụ dụng cụ theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc trích khấu hao tài sản cố định

5. Tài sản cố định vô hình (đơn vị tính: VNĐ)

Khoản mục	Phần mềm	Quyền sử dụng đất	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	44.337.012.396	109.671.558.000	1.656.576.688	155.665.147.084
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	(46.641.753)	-	-	(46.641.753)
Phân loại lại	(46.641.753)	-	-	(46.641.753)
Ngày 30 tháng 6 năm 2013	44.290.370.643	109.671.558.000	1.656.576.688	155.618.505.331
Hao mòn lũy kế:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	33.140.566.300	-	1.595.395.896	34.735.962.196
Tăng trong kỳ	3.392.354.806	-	20.660.448	3.413.015.254
Khấu hao	3.392.354.806	-	20.660.448	3.413.015.254
Giảm trong kỳ	(37.439.518)	-	-	(37.439.518)
Phân loại lại	(37.439.518)	-	-	(37.439.518)
Ngày 30 tháng 6 năm 2013	36.495.481.588	-	1.616.056.344	38.111.537.932
Giá trị còn lại:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	11.196.446.096	109.671.558.000	91.180.521.892	121.548.126.088
Ngày 30 tháng 6 năm 2013	7.794.889.055	109.671.558.000	91.180.521.892	108.636.968.947

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012	11.196.446.096	109.671.558.000	61.180.792	120.929.184.888
Ngày 30 tháng 6 năm 2013	7.794.889.055	109.671.558.000	40.520.344	117.506.967.399

6. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán (đơn vị tính: VNĐ)

Tiền nộp ban đầu và bổ sung hàng năm	13.401.458.145
Tiền lãi phân bổ hàng năm	4.081.453.651
Tổng Cộng	17.482.911.796

7. Các khoản phải thu (đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Phải thu khách hàng	384.848.160.945	499.788.484.016
- Phải thu KH về nghiệp vụ hợp tác đầu tư	-	1.300.000.000
- Phải thu KH về nghiệp vụ ký quỹ	297.868.152.763	185.273.928.623
- Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư	22.754.207.284	203.554.006.741
- Phải thu trái phiếu Vinashin và giá trị chứng khoán còn lại của Quỹ Tầm nhìn	60.362.298.893	74.593.307.741
- Phải thu phí tư vấn	3.493.380.583	34.703.719.489
- Phải thu khác	370.121.422	363.521.422
2. Phải thu hoạt động giao dịch Chứng khoán	129.800.963	48.511.192
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	129.800.963	48.511.192
3. Thuế GTGT khấu trừ	62.388.698	119.318.128
4. Phải thu khác	868.847.761.332	811.353.953.245
- Phải thu tổ chức phát hành – cổ tức, trái tức	29.757.519.113	43.088.096.346
- Phải thu vốn và lãi ủy thác đầu tư ngắn hạn	594.883.167.415	474.168.667.218
- Phải thu lãi hợp đồng tiền gửi	14.491.001.280	19.015.455.188
- Phải thu hợp đồng môi giới trái phiếu – tiền cọc	227.000.000.000	272.100.000.000
- Phải thu lãi sản phẩm tài chính và kinh doanh vốn	-	150.944.442
- Phải thu khác	2.716.073.524	2.830.790.051

8. Ứng trước cho người bán:

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ứng trước cho người bán	4.882.064.682	3.838.358.019

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Phải thu dài hạn khác:**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu vốn ủy thác đầu tư dài hạn	1.093.778.460.167	1.089.935.425.884
- Phải thu lãi HĐ ủy thác đầu tư dài hạn	124.217.195.704	103.602.489.438
Cộng	1.217.995.655.871	1.193.537.915.322

10. Dự phòng các khoản phải thu (đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dự phòng phải thu khó đòi –Trái Phiếu Vinashin	(56.934.246.575)	(56.934.246.575)
- Dự phòng phải thu khó đòi phí tư vấn	(433.300.000)	(9.250.589.059)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác ngắn hạn	(108.242.543.631)	(148.250.672.187)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác dài hạn	(61.116.638.791)	(100.140.278.186)
Cộng	(226.726.728.997)	(314.575.786.007)

11. Các khoản chi phí phải trả (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí phải trả SGĐCK & TTLKCK	3.071.101.173	2.160.248.269
Phải trả SSIAM tiền phí quản lý danh mục	1.658.160.256	1.309.625.784
Chi phí lãi hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán, hợp đồng hợp tác kinh doanh phải trả, hợp đồng đặt cọc môi giới chứng khoán	10.333.455.469	3.061.382.759
Chi phí đào tạo, hội thảo, tư vấn	-	425.000.000
Phí kiểm toán	735.630.000	468.630.000
Trích trước 1/2 lương tháng 13	3.478.009.825	-
Chi phí phải trả khác	3.211.513.962	2.632.151.525
Tổng Cộng	22.487.870.685	10.057.038.337

12. Người mua trả tiền trước (đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ứng trước phí tư vấn của khách hàng	4.604.673.750	4.040.373.750
- Ứng trước tiền mua chứng khoán của khách hàng	108.179.894.057	95.009.400.000
Tổng Cộng	112.784.567.807	99.049.773.750

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Các khoản phải trả, phải nộp khác (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	44.247.301	36.221.838
Phải trả hợp đồng mua bán chứng khoán	404.641.914.000	17.690.685.976
Phải trả HĐ Hợp tác kinh doanh	-	48.914.282.437
Phải trả cho khách hàng nước ngoài	1.256.755.272	1.065.450.092
Phải trả công ty con	-	1.307.750.000
Phải trả NĐT – khoản nhận ký quỹ ngắn hạn để thực hiện việc môi giới chứng khoán cho khách hàng	1.920.402.514.552	1.114.504.309.449
Các khoản khác	4.646.043.225	7.503.404.124
Tổng Cộng	2.330.991.474.350	1.191.022.103.916

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (đơn vị tính: VNĐ)

Các khoản thuế	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế Giá trị gia tăng	134.752.930	5.269.593.349
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	11.715.781.833	9.111.512.048
Thuế Thu nhập cá nhân	1.203.218.546	2.803.348.791
Thuế Thu nhập cá nhân nộp hộ	2.730.963.146	409.429.587
Các loại thuế khác	2.827.583.214	848.665.436
Cộng	18.612.299.669	18.442.549.211

Bảng ước tính thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành 6 tháng đầu năm 2013: (đơn vị tính: VNĐ)

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	248.476.368.376
<i>Các khoản điều chỉnh tăng giảm:</i>	
- Các khoản thu nhập cổ tức không chịu thuế	(53.425.391.400)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 31.12.2012	(177.751.666.705)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 30.06.2013	190.182.297.879
- DP phải thu khó đòi - TP Vinashin	(12.000.000.000)
Tổng lợi nhuận tính thuế theo thuế suất 25%	195.481.608.150
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp 6 tháng đầu năm 2013	48.870.402.038

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Vốn chủ sở hữu (đơn vị tính: VNĐ)**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Quý	Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	3.526.117.420.000	340.921.476.378	(89.246.186.000)	289.383.181.436	921.016.945.812	4.988.192.837.626
Tăng vốn theo QĐ 26/2012/QĐ-CTHĐQT ngày 14/11/2012	11.832.000.000	4.022.880.000	-	-		15.854.880.000
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc theo nghị quyết 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ(5% LN sau thuế)				23.214.968.908	(23.214.968.908)	-
Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo nghị quyết 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ (5% LN sau thuế)				23.214.968.908	(23.214.968.908)	-
Trích lập quỹ khen thưởng theo nghị quyết 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ(3% LN sau thuế)				-	(13.928.981.345)	(13.928.981.345)
Trích thù lao HĐQT&BKS theo nghị quyết 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ					(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích lập quỹ phúc lợi theo nghị quyết 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ(2% LN sau thuế)					(9.285.987.563)	(9.285.987.563)
Trích lập quỹ từ thiện theo nghị quyết 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ(1% LN sau thuế)					(4.642.993.782)	(4.642.993.782)
Cổ tức phải trả cổ đông năm 2012 theo nghị quyết 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ(10% mệnh giá)					(350.748.034.000)	(350.748.034.000)
Điều chỉnh bổ sung chi phí thuế TNDN 2012 theo quyết toán	-	-	-	-	(709.407.304)	(709.407.304)
Lợi nhuận sau thuế đến 30 tháng 6 năm 2013	-	-	-	-	199.713.624.132	199.713.624.132
Mua Cổ phiếu Quý	-	-	(131.760)	-	-	(131.760)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	3.537.949.420.000	344.944.356.378	(89.246.317.760)	335.813.119.252	693.985.228.134	4.823.445.806.004

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Tài sản thuế TNDN hoãn lại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	52.795.574.471	52.687.916.677
Cộng	52.795.574.471	52.687.916.677

17. Vay và Nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay thấu chi BIDV (*)	-	267.728.021.077
Vay ngắn hạn ngân hàng Exim	-	90.000.000.000
Cộng	-	357.728.021.077

(*) Đây là khoản vay thấu chi tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt nam ("BIDV") tỷ lệ lãi suất thực áp dụng cho các khoản vay thấu chi ngân hàng từ 8% đến 10,8%, chi tiết:

Số đầu năm	267.728.021.077
Phát sinh tăng	1.070.467.231.968
Phát sinh giảm	1.338.195.253.045
Số cuối kỳ	-

18. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (đơn vị tính: VNĐ):

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả tiền gửi giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	824.341.413.798	672.221.482.487
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	78.672.921.000	238.080.145.000
Cộng	903.014.334.798	910.301.627.487

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Chi tiết doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (đơn vị tính: VNĐ)**

	Quý 2-2013	Quý 2-2012
Cổ tức	24.030.323.080	59.231.815.180
Trái tức	17.079.827.396	18.073.404.789
Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu	8.555.845.163	7.735.734.328
Doanh thu tự doanh từ UTDM tại SSIAM	5.539.282.686	8.171.541.749
Doanh thu hoạt động đầu tư khác	1.728.520.000	3.333.777
Tổng cộng	56.933.798.325	93.215.829.823

20. Chi tiết doanh thu khác (đơn vị tính: VNĐ)

	Quý 2-2013	Quý 2-2012
Lãi tiền gửi	71.482.172.801	88.588.956.557
Doanh thu phí ứng trước	1.633.015.520	3.377.782.576
Doanh thu từ nghiệp vụ ký quỹ	13.617.011.177	9.180.375.450
Doanh thu khác	233.280.864	6.605.454.615
Tổng cộng	86.965.480.362	107.752.569.198

21. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán (đơn vị tính: VNĐ)

	Quý 2-2013	Quý 2-2012
Chi phí môi giới chứng khoán	9.326.379.903	8.207.940.921
Chi phí tự doanh chứng khoán	19.731.189.717	19.774.145.376
Chi phí dự phòng	18.479.413.546	25.873.285.949
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	37.045.244.053	40.860.099.299
Trả lãi nhà đầu tư	3.646.227.598	5.118.850.342
Trả lãi tiền vay	141.025.175	834.444.444
Chi phí khác	33.257.991.280	34.906.804.513
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	55.634.419.123	48.797.182.152
Chi phí nhân viên	32.431.258.990	23.977.640.070
Chi phí vật liệu, VPP, công cụ	589.400.897	647.908.751
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.371.434.849	6.631.699.769
Chi phí thuê văn phòng	6.356.289.512	6.438.080.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.880.799.735	11.039.519.332
Chi phí khác	5.235.140	62.333.726
Tổng cộng	140.216.646.342	143.512.653.697

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**22. Chi phí quản lý doanh nghiệp (đơn vị tính: VNĐ)**

	Quý 2-2013	Quý 2-2012
Chi phí nhân viên	2.824.933.147	2.516.149.320
Chi phí khấu hao và phân bổ	83.606.250	83.606.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài	267.000.000	380.096.000
Tổng cộng	3.175.539.397	2.979.851.570

23. Thu nhập khác

	Quý 2-2013	Quý 2-2012
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	918.181.818	191.818.182
Thu nhập từ lãi phạt thực hiện hợp đồng	15.722.240.000	3.146.129.788
Thu nhập khác	409.033	54.883.894
Tổng cộng	16.640.830.851	3.392.831.864

24. Nghiệp vụ với các bên có liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Quý đầu tư thành viên SSI	Công ty con 80% sở hữu
Công ty TNHH Tư Vấn và đầu tư NDH Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH
Công ty TNHH NDH Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH
Công ty TNHH Quản lý Quý SSI	Công ty con 100% sở hữu
Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời	Công ty nhận vốn đầu tư và có Chủ tịch HĐQT là em của Chủ tịch HĐQT SSI
Ngân Hàng ANZ	Cổ đông chiến lược
Công ty CP Xuyên Thái Bình (PAN)	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ tịch Hội đồng quản trị của PAN, Phó Tổng Giám đốc Công ty PAN là Trưởng Ban Kiểm soát của SSI

Các khoản phải thu:

Công ty liên quan	Số đầu quý Phải thu	Tăng trong quý	Giảm trong quý	Số cuối quý Phải thu
Quý đầu tư thành viên Góp vốn đầu tư	312.000.000.000	-	-	312.000.000.000
Công ty TNHH NDH Việt Nam Phí giao dịch chứng khoán	-	153.944.400	153.944.400	-
Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời Góp vốn đầu tư	14.999.990.000	-	-	14.999.990.000
Phí giao dịch chứng khoán	-	93.286.936	93.286.936	-
Đặt cọc mỗi giới mua bán trái phiếu	400.000.000.000	70.000.000.000	243.000.000.000	227.000.000.000
Lãi đặt cọc mỗi giới mua bán trái phiếu	-	15.200.000.000	15.200.000.000	-
Cổ tức 10%	-	1.499.999.000	1.499.999.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cty CP Xuyên Thái Bình				
Phí giao dịch chứng khoán	-	294.579.904	294.579.904	-
Phí hợp đồng tư vấn	300.000.000	2.532.000.000	2.352.000.000	480.000.000
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI				
Góp vốn đầu tư	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
Phí giao dịch chứng khoán	-	270.097.564	270.097.564	-
Ủy thác danh mục đầu tư	1.643.026.503.469	120.000.000.000	100.000.000.000	1.663.026.503.469
Ngân Hàng ANZ				
Tiền gửi của nhà đầu tư	107.591.754	900.000.000	931.987.421	75.604.333

Các khoản phải trả:

Công ty liên quan	Số đầu quý Phải trả	Tăng trong quý	Giảm trong quý	Số cuối quý Phải trả
Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời				
Đặt cọc mỗi giới mua bán trái phiếu	25.100.000.000	331.300.000.000	356.400.000.000	-
Công ty TNHH Tư Vấn và đầu tư NDH Việt Nam				
Nhận cọc mỗi giới chứng khoán	610.437.580	10.411.154	40.000.000	580.848.734
Lãi nhận cọc mỗi giới chứng khoán	3.041.925	9.986.728	10.438.714	2.589.939
Công ty CP Xuyên Thái Bình				
Ứng mua chứng khoán	50.100.000.000	-	-	50.100.000.000
Nhận cọc mỗi giới chứng khoán	-	108.000.000.000	108.000.000.000	-
Lãi nhận cọc mỗi giới chứng khoán	-	1.159.799.867	1.159.799.867	-
Chi phí thuê kho và dịch vụ	-	387.181.526	236.930.249	150.251.277
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI				
Phí quản lý danh mục	5.620.273.269	4.885.256.911	8.847.369.924	1.658.160.256

Các giao dịch với các bên liên quan khác :

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong Quý 2/2013 là 2.479.230.000 đồng (bao gồm cả thuế Thu nhập cá nhân và các khoản bảo hiểm bắt buộc).

25. Thuyết minh bổ sung

Tại ngày 30.06.2013, tỷ lệ sở hữu (biểu quyết) của phần tự doanh công ty và phần ủy thác tại công ty con SSIAM trên số lượng cổ phiếu lưu hành của các mã cổ phiếu như sau:

Số TT	Mã cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (biểu quyết)
1	BBC	19.98%
2	GIL	19.95%
3	HVG	19.94%
4	LAF	19.92%
5	NSC	19.73%
6	PAN	19.12%
7	TMS	19.98%
8	VFG	19.94%
9	SSC	19.83%
10	ELC	19.98%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi nhuận trước thuế Quý 2/2013 của Công ty là 60.269.535.117 đồng, trong đó đã có 26.703.616.253 đồng là chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán của ELC, GIL, LAF và đã có 14.086.757.900 đồng là cổ tức nhận được trong kỳ của GIL, VFG, TMS, ELC. Các khoản chi phí dự phòng và cổ tức này sẽ không được tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất quý 2/2013 do các công ty này là các công ty liên kết trong báo cáo tài chính hợp nhất của SSI. Kết quả hoạt động kinh doanh quý 2/2013 của các công ty liên kết này sẽ được ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất quý 2/2013 của Công ty theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

TPHCM, ngày 19 tháng 07 năm 2013

Người Lập Biểu

Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng

Hoàng Thị Minh Thủy

Phó Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hồng Nam